

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2022/HS-ST**
Ngày 19/10/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doanh Thiêm Vân;

Ông Hoàng Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lãng Văn Ánh và bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Đức L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17 tháng 8 năm 1977 tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đức A và bà Lý Thị B (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và 01 con sinh năm 2006;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 10/10/2007 bị Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 1082/QĐ-UB, chấp hành xong ngày 20/10/2008. Ngày 11/9/2012, bị Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh (nghiện ma túy) số 2420/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 07/10/2013.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã A, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1962; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nông Thị A, sinh năm 2000 – Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 19/4/2022, Lê Đức L, sinh năm 1977, trú tại Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đi bộ xuống nhà bà Hoàng Thị M, sinh năm 1962, trú cùng Khu A để mua rượu uống, sau khi đưa tiền cho bà M ở khu vực hiên nhà nơi bà M đang ngồi tráng bánh cuốn, bị cáo đi vào phòng khách bà M để tự rót rượu uống. Trước khi lấy rượu uống thì bị cáo đặt một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng của bản thân đang cầm trên tay lên mặt trên cùng chiếc tủ lạnh màu xám trong phòng khách nhà bà M sau đó lấy can rượu gần đó rót rượu ra cốc để uống, lúc này trong nhà bà M có khoảng 06 đến 08 người đang ngồi ăn sáng. Sau khi uống rượu xong, bị cáo đưa tay lên trên mặt tủ lạnh để lấy điện thoại của mình thì thấy một chiếc điện thoại màn hình cảm ứng kích cỡ tương đương chiếc điện thoại của bị cáo nhưng không rõ của ai. Lợi dụng lúc mọi người trong quán không ai để ý, bị cáo đã lấy cả hai chiếc điện thoại cho vào túi quần đang trước bên trái đang mặc trên người và đi về nhà. Về đến nhà, bị cáo mở điện thoại lấy trộm được lên thì thấy hình nền có ảnh chị Hoàng Thị C (là con gái bà M) nên biết đây là điện thoại của bà M, sau đó bị cáo tắt nguồn điện thoại và cho chiếc điện thoại vào túi quần đang mặc trên người. Đến khoảng 11 giờ trưa cùng ngày, bị cáo lại xuống quán bà M và thấy bà M đang tìm kiếm chiếc điện thoại nhưng bị cáo không nói gì mà quay về nhà. Đến khoảng 13 giờ 30 phút chiều cùng ngày, bị cáo mang chiếc điện thoại trộm cắp được ra cửa hàng điện thoại X ở Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn định bán lấy tiền tiêu xài, khi đang trao đổi với nhân viên cửa hàng thì bị Cơ quan Công an phát hiện.

Bà Hoàng Thị M sau khi phát hiện bị mất một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Xiaomi Redmi 10 đã trình báo đến cơ quan Công an. Quá trình xác minh cơ quan Công an đã phát hiện bị cáo Lê Đức L đang bán chiếc điện thoại tại cửa hàng điện thoại X có địa chỉ nêu trên và tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ chiếc điện thoại nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 21/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngân Sơn kết luận: Giá của 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 10 màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ việc là 2.400.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về thời

gian, vị trí và đặc điểm của tài sản bị mất, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKSNS, ngày 28/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Lê Đức L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Đức L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Quyết định hình phạt và xử lý các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị tại phần luận tội như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 10 là tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi lại được, quá trình điều tra đã xác định được chủ sở hữu tài sản là bà Hoàng Thị M, xét thấy không ảnh hưởng cơ quan điều tra đã trả lại cho bà M, việc xử lý như vậy là phù hợp.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường do vậy không đề nghị xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Bị hại có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, phần tranh luận bị hại không có ý kiến tranh luận hay khiếu nại gì. LỜI SAU CÙNG bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/4/2022 tại nhà bà Hoàng Thị M, sinh năm 1962, có địa chỉ tại Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn bị cáo Lê Đức L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 10 đã qua sử dụng của bà Hoàng Thị M có giá trị là 2.400.000 đồng.

Xét hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn quyết định truy tố bị cáo Lê Đức L trước Tòa án để xét xử về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...;

...;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Về hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, các vấn đề khác và Điều luật mà kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

3.1. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đó là “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo có cha đẻ là ông Lê Đức K được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và tại phiên tòa bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 của Điều luật.

[4] Về hình phạt:

4.1. Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ, tính nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù tại trại tạm giam một thời gian nhất định, qua đó mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, qua xem xét, Hội đồng xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng (tuy nhân thân bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện, tuy nhiên đều đã chấp hành xong, lần gần nhất cách đây đã 09 năm, sau lần đó thì bị cáo đã không còn tái nghiện nữa). Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt chỉ vừa trên mức tối thiểu của Điều luật quy định, bị cáo chưa được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra, bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định pháp luật, do vậy bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên xử bị cáo hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, việc áp dụng Điều luật như vậy thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, qua đó cũng tạo điều kiện cho bị cáo được giúp đỡ gia đình, được cải tạo tại địa phương để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và cộng đồng.

4.2. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, qua xem xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định nên không xem xét áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại bà Hoàng Thị M đã nhận được tài sản và không có yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Đối với chiếc điện thoại mà bị cáo trộm cắp của bị hại đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho bị hại là bà Hoàng Thị M, việc xử lý như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Đức L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

2. Về hình phạt

2.1. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Đức L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này”.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện (khi án có hiệu lực);
- UBND xã Vân Tùng (khi án có hiệu lực);
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doanh Thiêm Vân Hoàng Ngọc Hùng

Nguyễn Thái Công

